TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP.BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐĂK LĂK

Bản án số: 47/2019/HNGĐ – ST
Ngày 14/5/2019.
V/v: Xin ly hôn và con chung

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH BUÔN MA THUỘT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Y Kam Ênuôl

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Xuân Đừng.

2. Ông Phạm Cảm.

- Thư ký phiên toà: Bà Hồ Thị Vi– Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 989/2019//TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐXX – HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Trịnh Kim G - Sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn 7, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk- Có mặt

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Thành C - Sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn 9, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nguyên đơn – Chị Trịnh Kim G trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Thành C tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 10/11/2015 tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau và không tôn trọng lẫn nhau. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh C không có trách nhiệm với gia đình. Tôi về nhà mẹ đẻ sinh sống. Từ tháng 1/2016 cho đến nay chúng tôi đã sống ly thân. Tôi đã cho anh C nhiều cơ hội thay đổi nhưng không thành. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa tôi có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Thành C.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 07/5/2016. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Yến N cho đến khi cháu N trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Thành C mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy bị đơn – anh Nguyễn Thành C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của anh C tại phiên Tòa: anh C đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm anh C vẫn vắng mặt lần hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử vắng mặt anh C là đúng quy định của pháp luật.

[3].Về nội dung:

Chị Trịnh Kim G và anh Nguyễn Thành C có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 10/11/2015 đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Trịnh Kim G xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì được mối quan hệ hôn nhân và yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành C.

Quá trình Tòa án tiến hành xác minh, tại địa phương nơi đương sự cư trú thì thấy rằng: Trong cuộc sống hằng ngày giữa chị G và anh C có phát sinh mâu thuẫn, đã được địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không thể đoàn tụ lại được với nhau, hiện nay chị G và anh C đã sống ly thân, chị G đã về nhà mẹ đẻ tại huyện Cư K, tỉnh Đắk Lắk.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị G và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân nhau từ đầu năm 2016 cho tới nay mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu

cầu xin ly hôn của chị Trịnh Kim G đối với anh Nguyễn Thành C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống với nhau chị G và anh C có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 07/5/2016. Sau khi ly hôn chị G có nguyện vọng được nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc cháu N đến khi trưởng thành. Sau khi hai vợ chồng ly thân từ đầu năm 2016 cháu N đều do chị G nuôi dưỡng và chăm sóc, cháu N đến thời điểm xét xử mới được 03 năm 07 ngày tuổi, cháu còn rất nhỏ và cần sự chăm sóc của mẹ thường xuyên. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển của cháu N Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Ngọc Yến N cho chị Trịnh Kim G chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ tuổi trưởng thành.

Anh Nguyễn Thành C có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trịnh Kim G không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Trịnh Kim G phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, Khoản 1 Điều 207, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trịnh Kim G. Cho chị Trịnh Kim G được ly hôn với anh Nguyễn Thành C.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Ngọc Yến N, sinh ngày 07/5/2016 cho chị Trịnh Kim G chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Anh Nguyễn Thành C có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trịnh Kim G không yêu cầu anh Nguyễn Thành C cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử xem xét giải giải quyết.

Về án phí:

Chị Trịnh Kim G phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm mà chị Trịnh Kim G đã nộp theo biên lai số AA/2017/0008422 ngày 05/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- UBND xã Hòa Thắng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Y Kam Ênuôl